

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2010/NQ-HĐND

*Đông Hà, ngày 10 tháng 12 năm 2010*

**NGHỊ QUYẾT**

**Về Phê chuẩn điều chỉnh số liệu quyết toán chi ngân sách địa phương  
năm 2009 của huyện Cam Lộ và Hải Lăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHOÁ V, KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư số 63/2009/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài chính Quy định về Công tác lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách huyện, quận, phường nơi không tổ chức HĐND;

Xét Tờ trình số 4028/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh về việc Điều chỉnh số liệu quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2009 của huyện Cam Lộ và Hải Lăng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn điều chỉnh số liệu quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2009 của huyện Cam Lộ và Hải Lăng như các biểu đính kèm Nghị quyết này.

**Điều 2.** Các biểu kèm theo Nghị quyết này thay thế các biểu đính kèm Nghị quyết số 08/2010/NQ-HĐND ngày 23/7/2010 của HĐND tỉnh về Phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2009 của các huyện thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND.

**Điều 3.** UBND các huyện: Cam Lộ, Hải Lăng có trách nhiệm công khai quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2009 và báo cáo với Sở Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Quảng Trị khóa V, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2010 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH  
Lê Hữu Phúc**

**QUYẾT TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2009**  
**HUYỆN HẢI LĂNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND  
ngày 10 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh)*

**A. PHẦN THU**

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Nội dung	Dự toán ĐP năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT (%)
	<b>Tổng số</b>	<b>105.137.000.000</b>	<b>171.635.804.208</b>	<b>163%</b>
<b>A</b>	<b>Tổng thu ngân sách trên địa bàn</b>	<b>26.845.000.000</b>	<b>23.446.040.818</b>	<b>87%</b>
<b>I</b>	<b>THU NỘI ĐỊA</b>	<b>26.845.000.000</b>	<b>23.446.040.818</b>	<b>87%</b>
	Trong đó: Ngân sách địa phương hưởng	26.345.000.000	23.053.600.636	88%
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp- ngoài quốc doanh	5.020.000.000	3.750.880.676	75%
-	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp	4.640.000.000	3.312.274.357	71%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước	20.000.000	38.155.000	191%
-	Thuế tài nguyên		6.400.000	
-	Thuế môn bài	310.000.000	369.552.000	119%
-	Thu khác	50.000.000	24.499.319	49%
2	Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	500.000.000	147.973.382	30%
3	Thuế chuyển quyền sử dụng đất		5.962.000	
4	Thu tiền sử dụng đất và giao đất trồng rừng	17.000.000.000	15.497.353.000	91%
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	110.000.000	129.903.260	118%
6	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	120.000.000	36.866.000	31%
7	Lệ phí trước bạ	1.650.000.000	1.312.549.100	80%
8	Thuế nhà đất	500.000.000	524.540.200	105%
9	Thu phí, lệ phí	650.000.000	755.781.800	116%
-	Thu phí, lệ phí Trung ương		49.991.800	
-	Thu phí, lệ phí tỉnh		6.801.000	

-	Thu phí, lệ phí huyện, xã	650.000.000	698.989.000	108%
+	Thu phí, lệ phí huyện	20.800.000	23.980.000	115%
+	Thu phí, lệ phí xã	629.200.000	675.009.000	107%
10	Thu tiền bán và thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
11	Thu sự nghiệp (Không kể thu tại xã)			
12	Thu khác ngân sách	300.000.000	244.047.000	81%
-	Thu từ quỹ đất công ích và đất công (Tỉnh, huyện)			
-	Thu phạt, tịch thu khác		69.833.000	
-	Thu bán hàng, thanh lý tài sản		800.000	
-	Thu tiền cho thuê quầy bán hàng			
-	Thu các khoản huy động đóng góp		50.400.000	
-	Thu hồi khoản chi năm trước		8.014.000	
-	Thu khác còn lại		115.000.000	
13	Thu tại xã	995.000.000	1.040.184.400	105%
	Thu sự nghiệp do xã quản lý			
	Thu từ quỹ đất công ích và đất công (Xã)		663.165.400	
	Thu phạt, tịch thu khác (Xã)		4.900.000	
	Thu tiền cho thuê quầy bán hàng		61.500.000	
	Thu hồi khoản chi năm trước (Xã)			
	Thu khác còn lại		310.619.000	
<b>II</b>	<b>THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU</b>			
<b>III</b>	<b>THU VIỆN TRỢ (KHÔNG KỂ VIỆN TRỢ VỀ CHO VAY LẠI)</b>			
<b>B</b>	<b>Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư NS năm trước</b>		<b>20.361.224.890</b>	
<b>C</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>			
<b>D</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>78.292.000.000</b>	<b>127.828.538.500</b>	163%
1	Thu bổ sung cân đối	78.292.000.000	78.292.000.000	100%
2	Thu bổ sung ngoài kế hoạch		49.536.538.500	
<b>E</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>			
<b>F</b>	<b>Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN</b>			

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2009  
HUYỆN HẢI LĂNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND  
ngày 10 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2009		Quyết toán năm 2009	So sánh (%)	
		Tỉnh giao	UBND huyện quyết định		QT/ DT tỉnh giao	QT/DT HĐND quyết định
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>12.850.000.000</b>	<b>26.845.000.000</b>	<b>23.446.040.818</b>	<b>182%</b>	<b>87%</b>
1	Thu nội địa (Không kê thu từ dầu thô)	12.850.000.000	26.845.000.000	23.446.040.818	182%	87%
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu					
3	Thu viện trợ không hoàn lại					
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>90.642.000.000</b>	<b>104.637.000.000</b>	<b>171.243.364.026</b>	<b>189%</b>	<b>164%</b>
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	12.350.000.000	26.345.000.000	23.053.600.636	187%	88%
	- Các khoản thu NS huyện hưởng 100%	5.180.000.000	19.175.000.000	17.459.668.660	337%	91%
	- Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	7.170.000.000	7.170.000.000	5.593.931.976	78%	78%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	78.292.000.000	78.292.000.000	127.828.538.500	163%	163%
	- Bổ sung cân đối	78.292.000.000	78.292.000.000	78.292.000.000	100%	100%
	- Bổ sung có mục tiêu			49.536.538.500		
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước					
4	Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư			20.361.224.890		

	ngân sách năm trước					
5	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN					
<b>C</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>90.642.000.000</b>	<b>104.637.000.000</b>	<b>149.295.411.089</b>	<b>165%</b>	<b>143%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	7.600.000.000	21.100.000.000	29.384.785.500	387%	139%
2	Chi thường xuyên	80.357.000.000	80.852.000.000	119.910.625.589	149%	148%
3	Dự phòng	2.685.000.000	2.685.000.000		0%	0%
4	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương					
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
6	Ghi chi viện trợ					
7	Chi bằng nguồn thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN					

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ NĂM 2009  
HUYỆN HẢI LĂNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND  
ngày 10 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh)*

*Đơn vị: Đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT (%)
<b>A</b>	<b>Ngân sách cấp huyện</b>			-
<b>I</b>	<b>NGUỒN THU NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>	<b>91.671.250.000</b>	<b>162.109.248.107</b>	<b>177%</b>
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	13.379.250.000	20.335.596.966	152%
	- Các khoản thu NS cấp huyện hưởng 100%	7.440.800.000	15.614.572.000	210%
	- Các khoản thu phân chia NS cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.938.450.000	4.721.024.966	79%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	78.292.000.000	127.828.538.500	163%
	- Bổ sung cân đối	78.292.000.000	78.292.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		49.536.538.500	
3	Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư NS năm trước		13.945.112.641	
4	Thu viện trợ không hoàn lại			
5	Thu chuyển nguồn			
6	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN			
<b>II</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>	<b>91.671.250.000</b>	<b>151.833.468.826</b>	<b>166%</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (Không kể bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn)	77.650.000.000	124.049.198.826	160%
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn	14.021.250.000	27.784.270.000	198%
	- Bổ sung cân đối	14.021.250.000	14.021.250.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		13.763.020.000	
<b>B</b>	<b>Ngân sách xã, phường, thị trấn thuộc</b>		-	

	huyện			
<b>I</b>	<b>NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN</b>	<b>26.987.000.000</b>	<b>36.918.385.919</b>	<b>137%</b>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	12.965.750.000	2.718.003.670	21%
	- Các khoản thu NS cấp xã hưởng 100%	11.734.200.000	1.845.096.660	16%
	- Các khoản thu phân chia NS cấp xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.231.550.000	872.907.010	71%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	14.021.250.000	27.784.270.000	198%
	- Bổ sung cân đối	14.021.250.000	14.021.250.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		13.763.020.000	
3	Thu chuyển nhiệm vụ và thu kết dư NS năm trước		6.416.112.249	
4	Thu chuyển nguồn			
5	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN			
<b>II</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN</b>	<b>26.987.000.000</b>	<b>25.246.212.263</b>	<b>94%</b>

**QUYẾT TOÁN THU- CHI NĂM 2009**  
**HUYỆN CAM LỘ**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND*  
*ngày 10 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh)*

**A. PHẦN THU**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán ĐP	Thực hiện	So sánh (%)
	<b>Tổng số</b>	64.601.000.000	92.263.336.212	152%
<b>A</b>	<b>Tổng thu ngân sách trên địa bàn</b>	10.970.000.000	12.905.743.279	118%
<b>I</b>	<b>THU NỘI ĐỊA</b>	10.970.000.000	12.905.743.279	118%
	Trong đó: Ngân sách địa phương	10.570.000.000	12.494.789.259	118%
1	Thuế công thương nghiệp (NQD)	3.150.000.000	2.396.359.621	76%
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	110.000.000	120.473.700	110%
3	Thuế nhà đất	500.000.000	573.316.878	115%
4	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	0	6.920.400	
5	Thu tiền sử dụng đất	4.500.000.000	6.475.669.500	144%
6	Thu tiền cho thuê đất	160.000.000	119.265.620	75%
7	Lệ phí trước bạ	1600.000.000	1.571.653.650	98%
8	Thu phí, lệ phí	300.000.000	310.440.727	103%
-	Trung ương	0	137.406.677	
-	Tỉnh	30.000.000	4.386.000	15%
-	Huyện, xã, phường	270.000.000	168.648.050	62%
9	Thu tiền thuê nhà, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	0	0	
10	Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao	400.000.000	250.765.143	63%
11	Thu khác ngân sách	50.000.000	472.110.400	944%
-	Thu phạt, tịch thu khác		61.495.000	
-	Thu bán, thanh lý tài sản		226.449.000	
-	Thu tiền cho thuê quầy bán hàng		87.713.000	
-	Thu hồi khoản chi năm trước		19.790.400	

-	Thu khác của ngành thuế			
-	Thu khác còn lại	50.000.000	76.663.000	153%
12	Thu tại xã	200.000.000	608.767.640	304%
-	Thu sự nghiệp		0	
-	Thu phạt, tịch thu		18.260.000	
-	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		446.041.640	
-	Thu tiền cho thuê quầy bán hàng		144.466.000	
-	Thu hồi khoản chi năm trước		0	
-	Thu khác			
<b>B</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>52.151.000.000</b>	<b>68.229.393.500</b>	<b>131%</b>
-	Thu bổ sung cân đối	52.151.000.000	52.151.000.000	100%
-	Thu bổ sung ngoài kế hoạch		16.078.393.500	
<b>C</b>	<b>Thu chuyển nhiệm vụ và bổ sung từ kết dư</b>	<b>530.000.000</b>	<b>7.635.245.332</b>	
	Trong đó:			
-	Kết dư ngân sách cấp huyện			
-	Kết dư ngân sách xã			
<b>D</b>	<b>Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau</b>		<b>8.484.821.932</b>	
<b>E</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>			
<b>F</b>	<b>Các khoản thu để lại đối với chi QL qua ngân sách nhà nước</b>	<b>950.000.000</b>	<b>1.008.132.169</b>	<b>106%</b>

**QUYẾT TOÁN THU- CHI NĂM 2009**  
**HUYỆN CAM LỘ**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND*  
*ngày 10 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh)*

**A. PHÂN CHI**

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán ĐP	Thực hiện	So sánh (%)
<b>Tổng số</b>	<b>64.201.000.000</b>	<b>91.797.055.641</b>	<b>143%</b>
<b>A. TỔNG CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>63.251.000.000</b>	<b>90.788.923.472</b>	<b>144%</b>
<b>I. CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>8.150.000.000</b>	<b>15.484.095.800</b>	<b>190%</b>
1. Chi đầu tư XDCB	8.150.000.000	10.258.501.400	126%
Tr.đó: - Chi XDCB tập trung	3.650.000.000	4.804.587.400	132%
- Chi từ nguồn thu sử dụng đất	4.500.000.000	5.453.914.000	121%
- Chi công trình XDCB khác			
2. Chi thực hiện CT BTHGTNT và KCHKM		3.115.817.800	
3. Chi khắc phục hậu quả thiên tai		1.989.276.600	
4. Chi đầu tư từ nguồn huy động đầu tư theo khoản 3 điều 8 của Luật NSNN			
5. Chi đầu tư từ nguồn vốn khác		120.500.000	
<b>II. CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>53.319.000.000</b>	<b>66.131.568.272</b>	<b>124%</b>
1. Chi an ninh- quốc phòng	847.000.000	1.905.837.365	225%
- Chi an ninh	105.000.000	668.897.799	637%
- Chi quốc phòng	742.000.000	1.236.939.566	167%
2. Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	31.884.000.000	36.398.556.000	114%
- Chi sự nghiệp giáo dục	31.396.000.000	35.714.118.000	114%
- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	488.000.000	684.438.000	140%
3. Chi sự nghiệp y tế	1.606.000.000	1.854.103.850	115%
4. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	823.000.000	725.166.000	88%
5. Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	215.000,000	238.480.000	111%
6. Chi sự nghiệp thể dục, thể thao	0	230.003.300	
7. Chi sự nghiệp đảm bảo, xã hội	2.891.000.000	2.538.578.400	88%

8. Chi sự nghiệp kinh tế và môi trường	2.200.000.000	3.778.893.355	172%
9. Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	12.757.000.000	16.953.453.709	133%
- Chi quản lý nhà nước		11.091.723.167	
- Chi hoạt động Đảng, tổ chức chính trị		4.635.491.542	
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể		132.320.000	
- Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội		1.093.919.000	
10. Chi khác ngân sách	96.000.000	1.508.496.293	157%
<b>III. CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH</b>	<b>1.782.000.000</b>		
<b>IV. CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NĂM SAU</b>	<b>0</b>	<b>9.173.259.400</b>	
<b>B. CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NSNN</b>	<b>950.000.000</b>	<b>1.008.132.169</b>	<b>106%</b>
<b>C. CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>			

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN CAM LỘ NĂM 2009**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND  
ngày 10 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT (%)
A	B	1	2	3=2/1
<b>A</b>	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn (1)</b>	<b>10.970.000.000</b>	<b>12.905.743.279</b>	<b>118%</b>
1	Thu nội địa (Không kể thu từ dầu thô)	10.970.000.000	12.905.743.279	118%
2	Thu từ dầu thô			
2	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu			
3	Thu viện trợ không hoàn lại			
<b>B</b>	<b>Thu ngân sách huyện</b>	<b>64.201.000.000</b>	<b>97.852.382.192</b>	<b>152%</b>
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	10.570.000.000	12.494.789.259	118%
	- Các khoản thu NS huyện hưởng 100%	5.320.000.000	7.973.283.078	150%
	- Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.250.000.000	4.521.506.181	86%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	52.151.000.000	68.229.393.500	131%
	- Bổ sung cân đối	52.151.000.000	52.151.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		16.078.393.500	
3	Huy động đầu tư theo khoản 3 Điều 8 Luật NSNN			
	Trong đó: Vốn XDCB ngoài nước			
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	0	8.484.821.932	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	530.000.000	7.635.245.332	1441%
6	Các khoản thu để lại QL qua NSNN	950.000.000	1.008.132.169	106%
<b>C</b>	<b>Chi ngân sách huyện</b>	<b>64.201.000.000</b>	<b>91.797.055.641</b>	<b>143%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	8.150.000.000	15.484.095.800	190%
2	Chi thường xuyên	53.319.000.000	66.131.568.272	124%
3	Dự phòng	1.782.000.000		0%
4	Các khoản chi bằng nguồn thu để lại QL qua NS	950.000.000	1.008.132.169	106%
5	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau		9.173.259.400	

**QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN  
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2009 HUYỆN CẨM LỘ**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2010/NQ-HĐND  
ngày 10 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh)

*Đơn vị tính: Đồng*

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2009	Quyết toán năm 2009	So sánh QT/DT (%)
A	B	1	2	3=2/1
<b>A</b>	<b>Ngân sách cấp huyện</b>			
<b>I</b>	<b>NGUỒN THU NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>	<b>62.311.800.000</b>	<b>94.365.115.213</b>	<b>151%</b>
1	Thu ngân sách cấp huyện hưởng theo phân cấp	8.680.800.000	10.596.363.470	122%
	- Các khoản thu NS cấp huyện hưởng 100%	4.710.000.000	7.009.903.338	149%
	- Các khoản thu phân chia NS cấp huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.970.800.000	3.586.460.132	90%
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	52.151.000.000	68.229.393.500	131%
	- Bổ sung cân đối	52.151.000.000	52.151.000.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		16.078.393.500	
	Trong đó: Vốn XDCB ngoài nước			
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước		8.484.821.932	
4	Thu kết dư ngân sách năm trước	530.000.000	6.046.404.142	1141%
6	Các khoản thu để lại QL qua NSNN	950.000.000	1.008.132.169	106%
<b>II</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>	<b>62.311.800.000</b>	<b>89.829.511.607</b>	<b>144%</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện theo phân cấp (Không kể bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn)	56.000.000.000	79.257.807.807	142%
2	Bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn	6.311.800.000	10.571.703.800	167%
	- Bổ sung cân đối	6.311.800.000	6.311.800.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		4.259.903.800	
	Trong đó: Vốn XDCB ngoài nước			
<b>B</b>	<b>Ngân sách xã, phường, thị trấn thuộc huyện</b>			

<b>I</b>	<b>NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN</b>	<b>8.201.000.000</b>	<b>14.058.970.779</b>	<b>171%</b>
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	1.889.200.000	1.898.425.789	100%
	- Các khoản thu NS xã hưởng 100%	610.000.000	963.379.740	158%
	- Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.279.200.000	935.046.049	73%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	6.311.800.000	10.571.703.800	167%
	- Bổ sung cân đối	6.311.800.000	6.311.800.000	100%
	- Bổ sung có mục tiêu		4.259.903.800	
	Trong đó: Vốn XD CB ngoài nước			
3	Thu kết dư ngân sách năm trước		1.588.841.190	
<b>II</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN</b>	<b>8.201.000.000</b>	<b>12.539.247.834</b>	<b>153%</b>